

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

**Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Tây Tựu)

1. Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Nơi thường trú:

- Nơi ở hiện nay:

2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Nơi thường trú:

- Nơi ở hiện nay:

3. Địa chỉ nơi thu hồi đất:

4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất:

10 khẩu

(Trong đó: 10 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ và 01 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)

5. Tổng diện tích đất đang sử dụng:

1.434,0 m<sup>2</sup>;

Trong đó:

- Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án:

317,0 m<sup>2</sup>;

Trong đó:

+ Đất nông nghiệp có nguồn gốc được giao theo Nghị định 64/CP, đã cấp GCN:

292,0 m<sup>2</sup>;

+ Đất nông nghiệp không giao sử dụng trước 01/7/2004:

25,0 m<sup>2</sup>;

+ Đất thủy lợi, giao thông do UBND phường quản lý

0,0 m<sup>2</sup>;

- Diện tích đất còn lại:

1.117,0 m<sup>2</sup>;

6. Tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trên tổng diện tích đất nông

22,1 %

NGHIỆP ĐƯỢC GIAO HIỆN GIA ĐÌNH ĐANG SỬ DỤNG:

**II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

| Stt | Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất  | Đơn vị tính    | Khối lượng | Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|----------------|------------|--------------------------------|------------------|-------------------|---------|
| (1) | (2)  | (3)            | (4)        | (5)                            | (6)              | (7)=(4)x(5)x(6)   | (8)     |
| 1   | + Đất nông nghiệp có nguồn gốc được giao theo Nghị định 64/CP, đã cấp GCN: | m <sup>2</sup> | 292,0      | 290.000                        | 100%             | 84.680.000        |         |
| 2   | + Đất nông nghiệp không giao sử dụng trước 01/7/2004:                      | m <sup>2</sup> | 25,0       | 290.000                        | 100%             | 7.250.000         |         |
|     | <b>Tổng cộng: (A)</b>  |                |            |                                |                  | <b>91.930.000</b> |         |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:**

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 14 ND 88/2024/NĐ-CP: Không ( B )

2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 14 ND 88/2024/NĐ-CP: Không ( C )

| Stt                   | Tên tài sản                                    | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ BT, HTr (%)  | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----------------------|--|-------------|----------|---------|--|-------------------|---------|
| (1)                   | (2)  | (3)         | (4)      | (5)     | (6)  | (7)               | (8)     |
| 1                     | Tường xây gạch 110, có bô trụ cao 0,5m dài 28m | m2          | 3,0      |         | Không bồi thường theo Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2024 | 0                 |         |
| <b>Tổng tiền: (C)</b> |  |             |          |         | <b>%</b>   | <b>0</b>          |         |

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...) :

| Stt                   | Tên tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ BT, HTr (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú                                      |
|-----------------------|-------------|-------------|----------|---------|-------------------|-------------------|--|
| (1)                   | (2)         | (3)         | (4)      | (5)     | (6)               | (7)               | (8)  |
| 1                     | Hành lá     | m2          | 262      | 7.700   | 0%                | 0                 | Không gây thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất |
| <b>Tổng tiền: (D)</b> |             |             |          |         | <b>%</b>          | <b>0</b>          |  |

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

| Stt                   | Khoản bồi thường, hỗ trợ  | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá   | Thành tiền (đồng)  | Ghi chú  |
|-----------------------|---|-------------|------------|-----------|--------------------|--|
| (1)                   | (2)   | (3)         | (4)        | (5)       | (6)=(4)x(5)        | (7)  |
| 1                     | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000 đ/m2 x 5 lần = 1.450.000đ/m2 | m2          | 292,0      | 1.450.000 | 423.400.000        |  |
| 2                     | Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp dưới 30% diện tích (03 tháng x 16.600 x 30kg = 1.494.000 đồng/1 nhân khẩu)               | khâu        | 10         | 1.494.000 | 14.940.000         | Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp chiếm 22,1 % trên tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.                             |
| 3                     | Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 10.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 10.000.000đ/ chủ sử dụng đất  | m2          |            |           | 0                  | Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định |
| <b>Tổng tiền: (E)</b> |   |             |            |           | <b>438.340.000</b> |  |

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 Đ25 ND 88/2024/NĐ-CP) (nếu có): Không ( F )

5. Phương án tái định cư:

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Không (G)

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: Không (H)

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)+(E)+(H)

530.270.000 đồng

Bằng chữ: Năm trăm ba mươi triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng./.

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (F)+(G)

0 đồng

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

530.270.000 đồng

Bằng chữ: Năm trăm ba mươi triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng./.

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Sỹ Thắng**